

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|-------------|
| Ngày 31/03/2025 | 30,000 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 8.7% | 10.7% | 9.5% |

| | |
|------------|--------------------------|
| 2024 | |
| ROE | 19.7% |
| | +/- YoY ▲ 0.5% |

| | |
|-----------------|--|
| Q1/25 | |
| DT thuần | 22.1 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 37.8 ▼ 63.2% |
| | YoY ▲ 5.30 ▲ 31.3% |

| | |
|-----------------|--|
| 2024 | |
| DT thuần | 159 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 41.0 ▲ 34.1% |

| | |
|---------------|--|
| Q1/25 | |
| LN gộp | 7.57 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 13.9 ▼ 64.8% |
| | YoY ▲ 1.50 ▲ 24.6% |

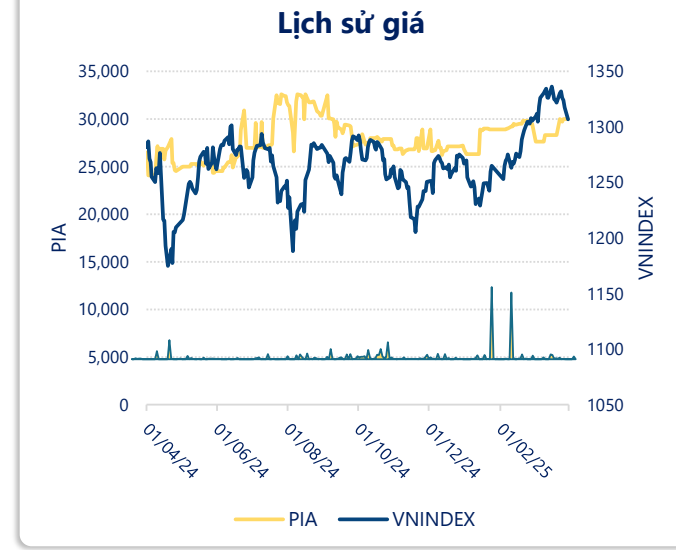
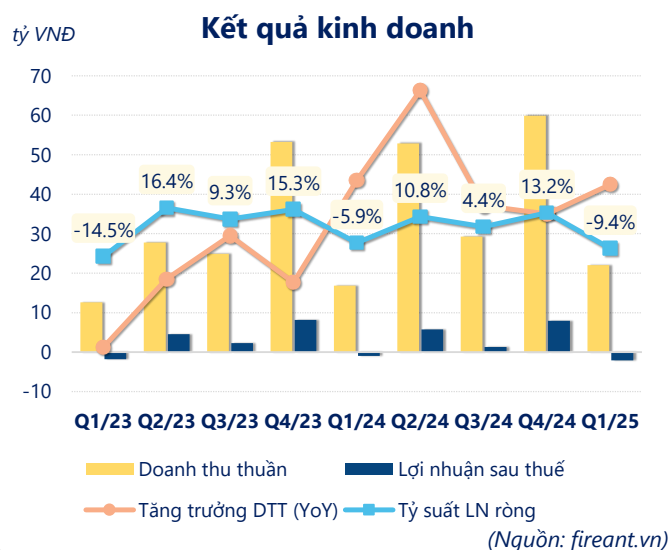
| | |
|---------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| LN gộp | 58.2 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 4.20 ▲ 7.8% |

| | |
|-----------------|---------------------------------------|
| Q1/25 | |
| LN thuần | -2.10 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 12.2 ▼ 121% |
| | YoY ▼ 1.11 ▼ 112% |

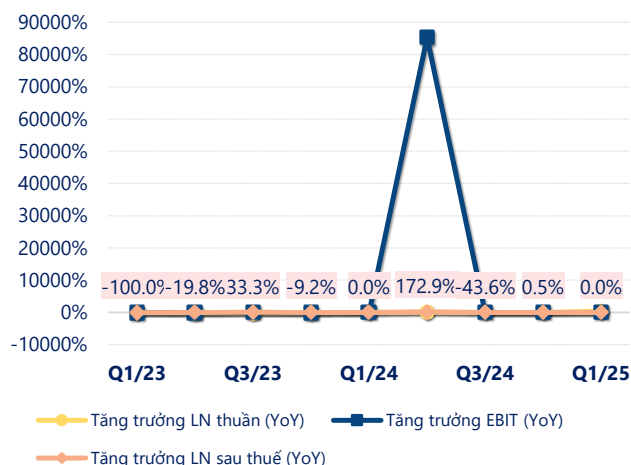
| | |
|-----------------|--|
| 2024 | |
| LN thuần | 18.8 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 2.20 ▲ 13.1% |

| | |
|--------------------|---------------------------------------|
| Q1/25 | |
| LN sau thuế | -2.08 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 9.99 ▼ 126% |
| | YoY ▼ 1.09 ▼ 110% |

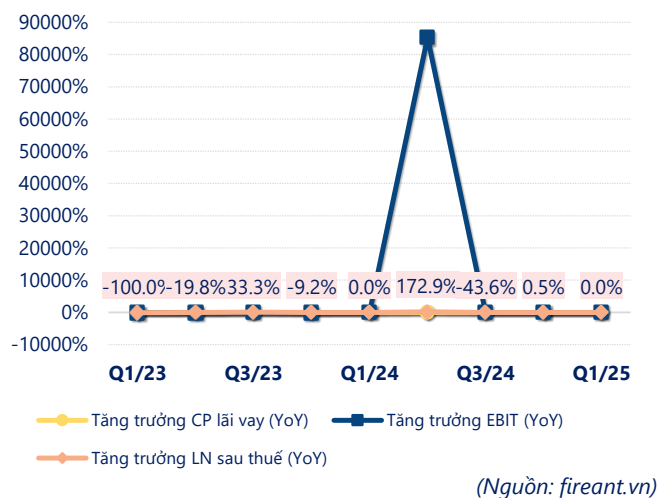
| | |
|--------------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| LN sau thuế | 14.0 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 0.80 ▲ 6.3% |



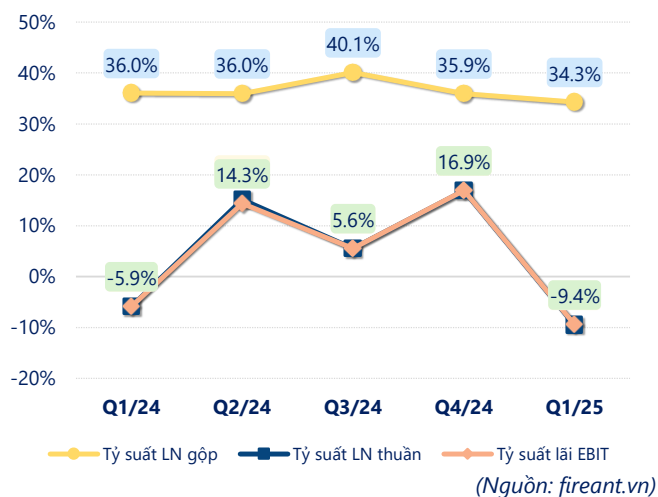
Tăng trưởng lợi nhuận



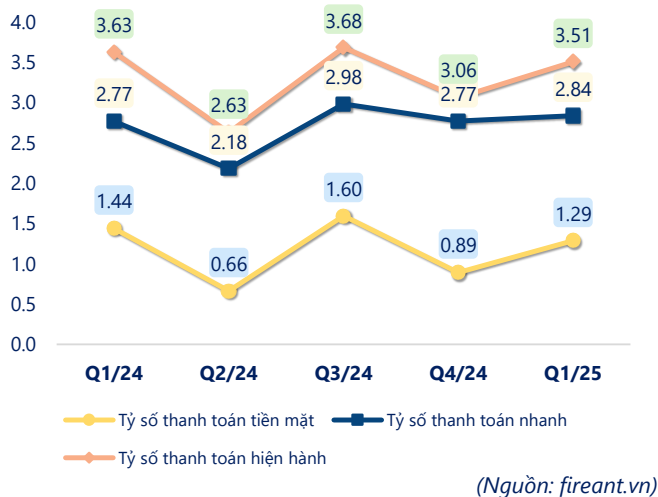
Tăng trưởng chi phí



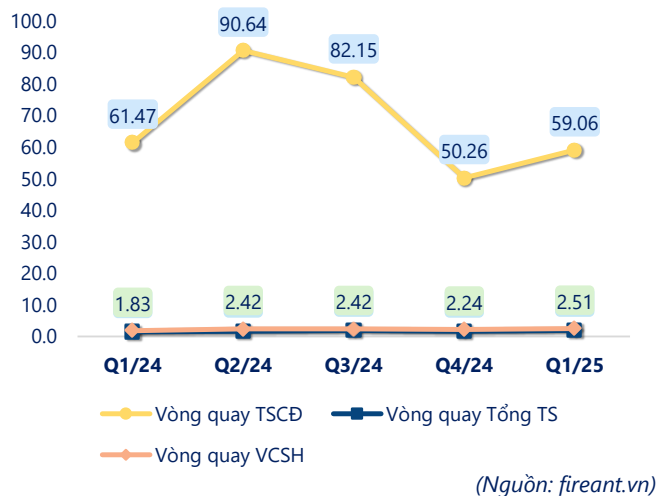
Tỷ suất lợi nhuận



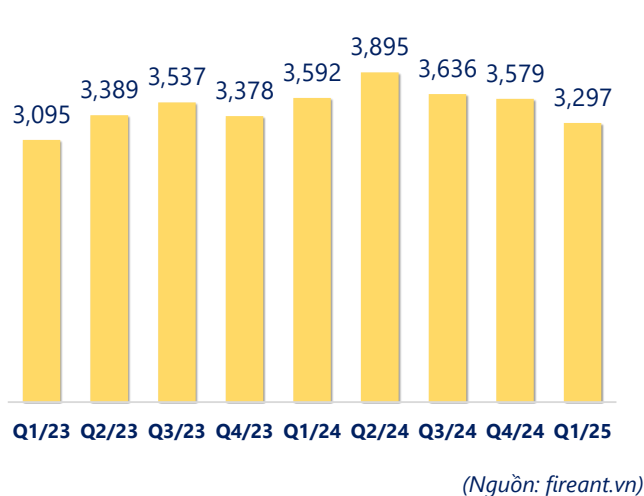
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q1/25 | Q1/24 | Thay đổi YoY | 2024 | 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 22.1 | 16.8 | 31.3% | 159 | 118 | 34.1% |
| Giá vốn hàng bán | 14.5 | 10.8 | 34.3% | 101 | 64.4 | 56.2% |
| Lợi nhuận gộp | 7.57 | 6.07 | 24.6% | 58.2 | 54.0 | 7.8% |
| Doanh thu HĐTC | 0.16 | 0.27 | -39.8% | 1.04 | 1.04 | -0.1% |
| Chi phí TC | 0.00 | 0.00 | | 0.04 | 0.01 | 239% |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 9.82 | 7.32 | 34.2% | 40.5 | 38.5 | 5.2% |
| Chi phí QLDN | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| LN thuần từ HĐKD | -2.10 | -0.99 | -112% | 18.8 | 16.6 | 13.1% |
| Lợi nhuận khác | 0.02 | 0.00 | | -0.38 | 0.04 | -1053% |
| LN trước thuế | -2.08 | -0.99 | -110% | 18.4 | 16.6 | 10.5% |
| Lợi nhuận sau thuế | -2.08 | -0.99 | -110% | 14.0 | 13.2 | 6.3% |
| LNST của CĐ cty mẹ | -2.08 | -0.99 | -110% | 14.0 | 13.2 | 6.3% |

(Nguồn: fireant.vn)

